

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lục Kim Thanh.

Ông Lê Văn Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 121/2017/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành Đ (tên gọi khác: P), sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 11; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/5/2007 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 42 tháng tù về tội “cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2009; bị bắt giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 08/6/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam cho tại ngoại cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn H, sinh năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 4; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc G, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị T (đã chết); có vợ là Trịnh Thị M, sinh năm 1981 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 19/5/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam cho tại ngoại cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Quang A, sinh năm 1980 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 5; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang H (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1953; có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1981 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/6/2000, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm xử phạt 02 năm tù về tội “cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2000; bị bắt giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 19/5/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam cho tại ngoại cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Thanh S (tên khác: Vũ Đắc S), sinh năm 1957 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Khắc T, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1925; có vợ là Trần Thị S, sinh năm 1960 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 19/5/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam cho tại ngoại cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn T, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1958; có vợ là Hoàng Thị H, sinh năm 1988 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 19/5/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam cho tại ngoại cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Văn D, sinh năm 1969 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1937; có vợ là Lê Thị N, sinh năm 1971 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam từ ngày 20/3/2017 đến ngày 19/5/2017 được hủy bỏ biện pháp tạm giam cho tại ngoại cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 20/3/2017, Út lùn (không rõ lai lịch) rủ Nguyễn Thành Đ làm cái chơi lắc bầu cua thắng thua bằng tiền tại chợ Bến Lớn thì Đ đồng ý. Sau đó, Đ lấy ra một bộ bầu cua của Đ rồi rủ thêm A cùng chơi và quy định đặt tiền mỗi ván thấp nhất là 10.000 đồng và cao nhất là 500.000 đồng.

Đ, Út, A chơi khoảng 30 phút thì có D, H và một số người khác (không rõ lai lịch) vào cùng tham gia. Nhóm của Đ, H, A, D lắc bầu cua đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì nghỉ và cùng nhau uống rượu.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, H rủ cả nhóm tiếp tục chơi lắc bầu cua thắng thua bằng tiền thì cả nhóm đồng ý. Cả nhóm chơi lắc bầu cua đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì có thêm S và T đến tham gia lắc bầu cua. Đ là người trực tiếp làm cái từ đầu, sau đó H và Đ góp tiền làm cái nhưng do cả hai xảy ra mâu thuẫn nên H không góp tiền với Đ làm cái nữa mà làm tay con.

Đ, H, A, D, S, T chơi đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an phường Tân Định kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ tang vật gồm: 9.590.000 đồng trên chiếu bạc, 01 (một) bộ bầu cua, 01 (một) cái thau nhôm; 01 (một) đĩa bằng nhựa cứng.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo tham gia đánh bạc và thắng thua cụ thể như sau:

Nguyễn Thành Đ: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền 500.000 đồng và cầm cổ nhẫn vàng được số tiền 1.500.000 đồng. Tổng cộng 2.000.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc với vai trò là người làm cái. Khi bị bắt quả tang Đ thắng được hơn 4.000.000 đồng để trên chiếu bạc bị thu giữ.

Lê Văn H: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền khoảng 650.000 đồng. Sau khi chơi thua, H tiếp tục về nhà lấy thêm 2.000.000 đồng và mượn của Vũ Thanh S thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 3.650.000 đồng sử dụng vào đánh bạc với vai trò vừa góp tiền cùng Đ làm cái sau đó ngồi tụ con. Khi bị bắt quả tang H đã trả trước cho S 1.000.000 đồng, chỉ thua hết số tiền 2.550.000 đồng, còn lại 100.000 đồng để trên chiếu bạc bị thu giữ.

Vũ Thanh S: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền 1.960.000 đồng sử dụng đánh bạc với vai trò ngồi tụ con đặt tiền. Khi bị bắt quả tang S thua hết số tiền 460.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng để trên chiếu bạc bị thu giữ.

Lê Văn T: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền 1.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc với vai trò ngồi tụ con đặt tiền. Khi bị bắt quả tang T thua hết 250.000 đồng, còn lại 750.000 đồng để trong túi quần đã bị thu giữ.

Lê Quang A: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền 200.000 đồng để sử dụng vào đánh bạc với vai trò ngồi tụ con đặt tiền. Khi bị bắt quả tang A thua hết 100.000 đồng, còn lại 100.000 đồng để trên chiếu bạc bị thu giữ.

Lê Văn D: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền 100.000 đồng để sử dụng đánh bạc với vai trò ngồi tụ con đặt tiền. Khi bị bắt quả tang D thua hết 100.000 đồng.

Theo Kết luận giám định ngày 13/6/2017 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa số: 264/KL-VPYTƯW kết luận đối với Nguyễn Thành Đ:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Nguyễn Thành Đ bị bệnh tâm thần phân liệt thể không biệt định, giai đoạn thuyên giảm không hoàn toàn (F20.34-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Nguyễn Thành Đ bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Bản Cáo trạng số 130/QĐ-KSĐT ngày 24/8/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Lê Văn H, Vũ Thanh S, Lê Quang A, Lê Văn T, Lê Văn D về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “đánh bạc”; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 248; điểm n, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ từ 15-20 triệu đồng;

- Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang A từ 12-15 triệu đồng;

- Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 12-15 triệu đồng;

- Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thanh S từ 10-12 triệu đồng;

- Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 10-12 triệu đồng;

- Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 08-10 triệu đồng;

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 9.590.000 đồng (chín triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng);

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bầu cua, 01 (một) cái thau nhôm, 01 (một) đĩa bằng nhựa cứng.

Đối với đối tượng tên Út lùn sẽ được xử lý sau khi được xác minh làm rõ lai lịch.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và nội dung bản Cáo trạng số 130/QĐ-KSĐT ngày 24/8/2017. Đồng thời, các bị cáo cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ và lập luận gì đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Lê Văn H, Lê Quang A, Lê Văn T, Vũ Thanh S, Lê Văn D đã thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 08 giờ, ngày 20/3/2017 tại chợ Bến Lớn thuộc khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Lê Văn H, Lê Quang A, Lê Văn T, Vũ Thanh S, Lê Văn D đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức lắc bầu cua thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 9.590.000 đồng. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo biết hành vi đánh bạc là trái phép sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vì động cơ vụ lợi các bị cáo vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện sự xem thường của pháp luật. Việc truy tố các bị cáo phạm tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đ không khởi xướng nhưng rủ rê lôi kéo các bị cáo khác tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền. Bị cáo chuẩn bị công cụ phạm tội (bộ bầu cua), quy định mức tiền đặt mỗi ván thấp nhất và cao nhất để sát phạt nhau. Khi tham gia đánh bạc bị cáo có số tiền dùng đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác chỉ kém hơn bị cáo H và làm cái từ đầu đến khi bị bắt quả tang nên bị cáo có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo H sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất, góp tiền cùng bị cáo Đ làm cái một vài ván sau đó ngồi tụ làm tay con cùng với các bị cáo còn lại. Các bị cáo Lê Quang A, Vũ Thanh S, Lê Văn T và Lê Văn D khi tham gia đánh bạc đều với vai trò ngồi tụ làm tay con, số tiền mang theo không đáng kể và khi bị bắt quả tang các bị cáo đều chơi thua, chưa thu lợi bất chính nên có vai trò thứ trong vụ án.

Xét về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Lê Văn H, Lê Quang A, Lê Văn T, Vũ Thanh S, Lê Văn D chưa có tiền án, tiền sự. Nhưng về nhân thân hai bị cáo Đ và A đã từng chấp hành án phạt tù (Bản án số 437/2007/HSPT ngày 07/5/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 42

tháng tù về tội “cướp tài sản” đối với bị cáo Đ và Bản án số 35/HSPT ngày 15/6/2000 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 02 năm tù về tội “cố ý gây thương tích” đối với bị cáo A). Lẽ ra sau khi chấp hành án xong hai bị cáo Đ và A phải làm người công dân tốt, cố gắng lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân và gia đình. Tuy nhiên các bị cáo lại tiếp tục phạm tội, xem thường pháp luật nên khi quyết định hình phạt cần cân nhắc đối với hai bị cáo Đ và A.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Lê Văn H, Lê Quang A, Lê Văn T, Vũ Thanh S, Lê Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như sau:

Bị cáo Nguyễn Thành Đ: Có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khi phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức; tiền án tiền sự chưa có được quy định tại điểm n, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn H: Có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có cha là ông Lê Ngọc G đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; tiền án tiền sự chưa có được quy định tại điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Quang A: Có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tiền án, tiền sự chưa có được quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn T: Có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tiền án, tiền sự chưa có theo quy định tại điểm h, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Thanh S: Có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong quân đội nhân dân Việt Nam được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, tiền án tiền sự chưa có được quy định tại điểm h, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn D: Có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có cha là Lê văn N đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì; tiền án tiền sự chưa có được quy định tại điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Do không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền sát phạt và tiền thu lợi không lớn, với vai trò đồng phạm giản đơn, tiền án tiền sự chưa có, có nơi ở ổn định, rõ ràng. Từ khi tại ngoại cho đến nay các bị cáo không vi phạm gì, có khả năng tự cải tạo nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ phạt tiền cũng đủ để cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện. Do vậy, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử nghĩ nên giảm một phần hình phạt tiền cho các bị cáo so với mức hình phạt tiền của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 9.590.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và phạm tội mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 bộ bầu cua, 01 cái thau nhôm, 01 đĩa bằng nhựa cứng: Đây là vật mà các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành Đ, Lê Văn H, Lê Quang A, Lê Văn T, Vũ Thanh S, Lê Văn D phạm tội “đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 30; điểm n, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 12 (mười hai) triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 30; điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 10 (mười) triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 30; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Quang A 09 (chín) triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 30; điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 08 (tám) triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 30; điểm h, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Vũ Thanh S từ 07 (bảy) triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điều 30; điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 06 (sáu) triệu đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền là 9.590.000 đồng (chín triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng);

(theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc Nhà nước Chi nhánh thị xã Bến Cát ngày 08/9/2017).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bầu cua, 01 (một) cái thau nhôm, 01 (một) đĩa bằng nhựa cứ.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Lê Văn H, Lê Quang A, Vũ Thanh S, Lê Văn T, Lê Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Đội CSTHAHS – HTTP CA thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga